

Họ và tên:

Lớp:

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ 2 – ĐỀ 3

Môn: Toán – Lớp 3

Bộ sách: Kết nối tri thức

Thời gian làm bài: 40 phút

I. TRẮC NGHIỆM (Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng)

Câu 1. Số liền sau của số 72199 là:

- A. 72 200 B. 72 198 C. 73 199 D. 73 200

Câu 2. Số?

$$81\ 596 > 8.....\ 927$$

- A. 3 B. 2 C. 1 D. 0

Câu 3. Phép chia $74\ 516 : 6$ có số dư là:

- A. 4 B. 3 C. 2 D. 1

Câu 4. Ngày 30 tháng 8 là chủ nhật thì ngày 2 tháng 9 cùng năm đó là:

- A. Thứ ba B. Thứ tư C. Thứ năm D. Thứ sáu

Câu 5. Vựa trái cây của bác Tư nhập về 4 xe trái cây gồm 3 xe to và 1 xe nhỏ. Mỗi xe to chở 4 300 kg sầu riêng và xe nhỏ chở 2 750 kg măng cụt. Khối lượng sầu riêng và măng cụt của bác Tư nhập về là:

- A. 17 200 kg B. 15 900 kg C. 14 100 kg D. 15 650 kg

Câu 6. Gân nhà Nam có một cái hồ nước hình chữ nhật dài 156 m và rộng 94 m. Mỗi ngày, Nam chạy 4 vòng quanh cái hồ đó. Vậy mỗi ngày Nam đã chạy số ki-lô-mét là:

- A. 1 km B. 2 km C. 3 km D. 4 km

II. TỰ LUẬN

Câu 1. Điền vào chỗ trống:

- Số 24 508 đọc là



- Đồng hồ bên chỉ giờ kém phút

- Số 18 trong số La Mã được viết là

- Các số 19 652, 18 990, 16 344, 18 761 được viết theo thứ tự từ bé đến lớn là:

.....

Câu 2. Đặt tính rồi tính:

$$31\ 728 + 15\ 643$$

.....

.....

.....

$$10\ 719 \times 4$$

.....

.....

.....

$$42\ 907 - 29\ 086$$

.....

.....

.....

$$69\ 584 : 3$$

.....

.....

.....

Câu 3. Số?

$$\square \times 7 = 2\ 863$$

$$\square : 5 = 1\ 247$$

Câu 4. Tính giá trị của biểu thức:

a) $12\ 523 + 20\ 492 : 4$

b) $(15\ 320 - 3\ 105) \times 8$

.....

.....

.....

.....

Câu 5. Mẹ đưa cho Minh 4 tờ tiền 20 000 đồng và nhờ Minh ra cửa hàng tiện lợi mua giúp mẹ một gói hạt nêm loại 1 kg. Gói hạt nêm có giá 68 000 đồng. Hỏi khi về Minh cần đưa lại cho mẹ bao nhiêu nghìn đồng tiền thừa?

.....

.....

.....

.....

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1.

Phương pháp

Số liền sau của số đã cho thì lớn hơn số đó 1 đơn vị.

Cách giải

Số liền sau của số 72199 là 72 200.

Chọn A.

Câu 2.

Phương pháp

Muốn so sánh hai số có 5 chữ số ta so sánh từng cặp chữ số kể từ trái sang phải.

Cách giải

Ta có $81\ 596 > 80\ 927$. Vậy số cần điền vào chỗ chấm là 0.

Chọn D.

Câu 3.

Phương pháp

Đặt tính rồi tính phép chia $74\ 516 : 6$.

Cách giải

$$\begin{array}{r} 74516 \overline{) 6} \\ 14 \quad \overline{) 12419} \\ 25 \\ 11 \\ 56 \\ 2 \end{array}$$

$$74\ 516 : 6 = 12\ 419 \text{ (dư 2)}$$

Chọn C.

Câu 4.

Phương pháp

Tháng 8 có 31 ngày.

Tính nhẩm từ 30 tháng 8 đến ngày 2 tháng 9.

Cách giải

Ta có: Tháng 8 có 31 ngày.

Ngày 30 tháng 8 là chủ nhật thì ngày 2 tháng 9 cùng năm đó là thứ tư.

Chọn B.

Câu 5.**Phương pháp**

- Tìm khối lượng sàu riêng xe to chở = Khối lượng sàu riêng xe 1 to chở được x số xe to
- Tìm tổng khối lượng trái cây = Khối lượng sàu riêng + Khối lượng măng cụt

Cách giải

Khối lượng sàu riêng 3 xe to chở được là

$$4\ 300 \times 3 = 12\ 900 \text{ (kg)}$$

Khối lượng sàu riêng và măng cụt của bác Tư nhập về là

$$12\ 900 + 2\ 750 = 15\ 650 \text{ (kg)}$$

Đáp số: 15 650 kg

Chọn D.

Câu 6**Phương pháp**

- Tìm chu vi cái hồ hình chữ nhật = (chiều dài + chiều rộng) x 2
- Tìm quãng đường Nam chạy = Chu vi cái hồ x số vòng chạy được

Cách giải

Chu vi cái hồ hình chữ nhật là

$$(156 + 94) \times 2 = 500 \text{ (m)}$$

Mỗi ngày Nam đã chạy số ki-lô-mét là

$$500 \times 4 = 2\ 000 \text{ (m)} = 2 \text{ km}$$

Đáp số: 2km

Chọn B.

II. TỰ LUẬN**Câu 1.****Phương pháp**

- Để đọc số có 5 chữ số, ta đọc lần lượt từ hàng chục nghìn, hàng nghìn, hàng trăm, hàng chục, hàng đơn vị.
- Xem đồng hồ rồi đọc giờ kém.
- So sánh các số rồi viết theo thứ tự từ bé đến lớn.

Cách giải

- Số 24 508 đọc là: Hai mươi tư nghìn năm trăm linh tám



- Đồng hồ bên chỉ **3** giờ kém **12** phút
- Số 18 trong số La Mã được viết là **XVIII**
- Các số 19 652, 18 990, 16 344, 18 761 được viết theo thứ tự từ bé đến lớn là:
16 344 , 18 761 , 18 990, 19 652

Câu 2.

Phương pháp

- Đặt tính
- Phép cộng, phép trừ: Cộng hoặc trừ các chữ số cùng hàng thẳng cột từ phải sang trái
- Phép nhân: Thực hiện nhân thừa số thứ hai với từng chữ số của thừa số thứ nhất từ phải sang trái
- Phép chia: Thực hiện chia lần lượt từ trái sang phải

Cách giải

$$\begin{array}{r} 31728 \\ + 15643 \\ \hline 47371 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 42907 \\ - 29086 \\ \hline 13821 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 69584 \quad | \quad 3 \\ 09 \quad | \quad \hline 23194 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 10719 \\ \times \quad 4 \\ \hline 42876 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 05 \\ 28 \\ 14 \\ 2 \end{array}$$

Câu 3.

Phương pháp giải

- Muốn tìm thừa số chưa biết ta lấy tích chia cho thừa số kia.
- Muốn tìm số bị chia ta lấy thương nhân với số chia.

Lời giải chi tiết

$$\dots\dots\dots \times 7 = 2\ 863$$

$$2\ 863 : 7 = 409$$

Vậy số cần điền vào ô trống là 409.

$$\dots\dots\dots : 5 = 1\ 247$$

$$1\ 247 \times 5 = 6\ 235$$

Vậy số cần điền vào ô trống là 6 235

Câu 4.**Phương pháp**

a) Với biểu thức có chứa phép tính cộng, trừ, nhân, chia ta thực hiện phép tính nhân, chia trước; thực hiện phép tính cộng, trừ sau.

b) Với biểu thức có chứa dấu ngoặc, ta thực hiện tính trong ngoặc trước.

Cách giải

$$\begin{aligned} \text{a) } 12\,523 + 20\,492 : 4 &= 12\,523 + 5\,123 \\ &= 17\,646 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{b) } (15\,320 - 3\,105) \times 8 &= 12\,215 \times 8 \\ &= 97\,720 \end{aligned}$$

Câu 5.**Phương pháp**

- Tìm số tiền mẹ đưa cho Minh

- Tìm số tiền Minh cần đưa lại mẹ = số tiền mẹ đưa cho Minh – giá tiền 1 gói hạt nêm

Cách giải

Số tiền mẹ đưa cho Minh là

$$20\,000 \times 4 = 80\,000 \text{ (đồng)}$$

Minh cần đưa lại cho mẹ số tiền thừa là

$$80\,000 - 68\,000 = 12\,000 \text{ (đồng)}$$

Đáp số: 12 000 đồng